TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2021
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hạnh;

Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 431/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã X, huyện C, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã X, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà Phạm Thị N và ông Phạm Thanh T qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 21-03-2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh B. Thời

gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2008 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm, lo lắng cho nhau, ông T thường xuyên không lo lắng cho gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau trầm trọng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được và bà N và ông T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Nay bà N cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh T.

Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung là cháu Phạm Bảo Th, sinh ngày 09/9/2007 và cháu Phạm Vĩnh K, sinh ngày 27/02/2013. Nếu ly hôn bà N có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung là cháu Phạm Bảo Th và cháu Phạm Vĩnh K. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì trước đây tại đơn khởi kiện bà N có yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng nay bà N xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nay bà N không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phạm Thanh T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải và ghi nhận ý kiến của ông T.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo kết quả xác minh tại địa phương, nơi sinh sống của bà N, ông T ngày 05/01/2021 ghi nhận được nội dung sau: Thời gian đầu chung sống vợ chồng giữa bà N và ông T hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó thì thấy nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau lúc đau bệnh. Ông T và bà N có 02 người con chung. Công việc của ông T là tài xế thường xuyên đi vắng nhà, lâu lâu mới về nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị N và ông Phạm Thanh T có đăng ký kết hôn, nay bà N xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn ông Phạm Thanh T đang cư trú tại xã X, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Bà Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Thanh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N và ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Phạm Thanh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21-3-2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng bà N, ông T sống hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm, lo lắng cho nhau, ông T thường xuyên không chăm lo, lo lắng cho gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau trầm trọng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được và bà N, ông T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Nay bà N cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh T.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 05/01/2021 tại nơi ở của bà N và ông T, ghi nhận được nội dung sau: Thời gian đầu chung sống giữa bà N và ông T hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó thì thấy nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau lúc đau bệnh. Ông T và bà N có 02 người con chung. Công việc của ông T là tài xế thường xuyên đi vắng nhà, lâu lâu mới về nhà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập các bên đến trụ sở Toà án nhằm để ghi nhận ý kiến và hoà giải, nhưng do ông T vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải hàn gắn được.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nhận thấy có cơ sở xác định mâu

thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà N và ông T có 02 người con chung là cháu Phạm Bảo Th, sinh ngày 09/9/2007 và cháu Phạm Vĩnh K, sinh ngày 27/02/2013. Nếu ly hôn bà N có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung là cháu Phạm Bảo Th và cháu Phạm Vĩnh K. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì trước đây tại đơn khởi kiện bà N có yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng nay bà N xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nay bà N không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày nguyện vọng về con chung, nên Tòa án không thể ghi nhận nguyện vọng của ông T về giải quyết con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến, nguyện vọng của con trên 7 tuổi đối với cháu Phạm Bảo Th, cháu Phạm Vĩnh K và ghi nhận được nguyện vọng của cháu Th, cháu K là muốn sống chung với bà N.

Căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của nguyên đơn, người có quyền lợi và lợi ích được bảo vệ và nhận thấy theo biên bản xác minh thì công việc của ông T là tài xế, thường xuyên đi làm xa nhà nên không thuận tiện cho việc trực tiếp chăm sóc con chung. Do đó để đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi ly hôn nên giao cháu Th và cháu K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của bà N là không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị N không yêu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phi dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Phạm Thanh T.

Về con chung: Bà Phạm Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung là cháu Phạm Bảo Th, sinh ngày 09/9/2007 và cháu Phạm Vĩnh K, sinh ngày 27/02/2013. Ông Phạm Thanh T không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị N không yêu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004927, ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Phạm Thị N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2021) các đương sự được quyền kháng cáo. Do bà N và ông T đều vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Toà án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc.

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã Xà Bang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tiến